

Ngày 31/03/2024	14,150 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.2%	7.6%	-1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,435 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,039
Số lượng CPLH (CP)	73,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)	862,435
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.44
EPS	781
P/E	18.1

DT thuần
Q1/24

390
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.0 | 5.1%
YoY: ▲ 95.0 | 32.1%

LN trước thuế
Q1/24

9.48
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.22 | -11.4%
YoY: ▼ 6.62 | -41.1%

LN sau thuế
Q1/24

8.32
tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.07 | -0.9%
YoY: ▼ 4.78 | -36.5%

ROA
2023

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần
2023

1,642
tỷ VNĐ

YoY: ▼ 51.0 | -3.0%

LN trước thuế
2023

86.5
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.30 | 0.3%

LN sau thuế
2023

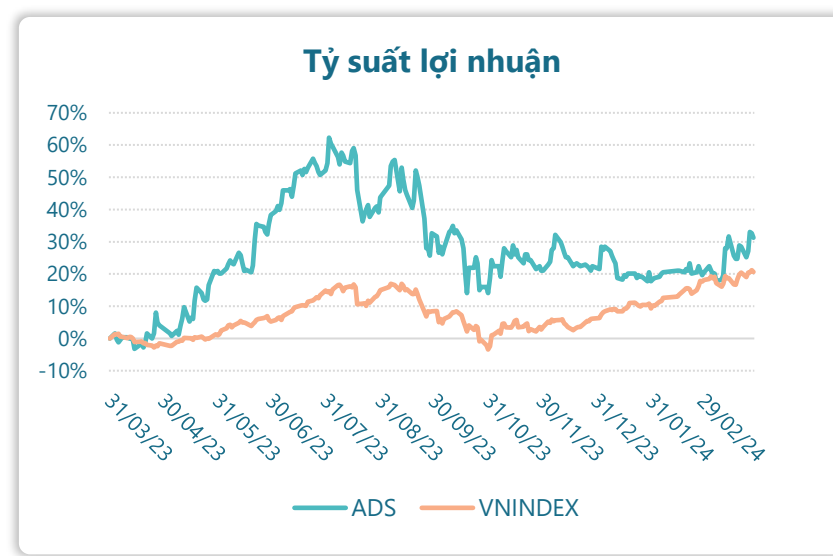
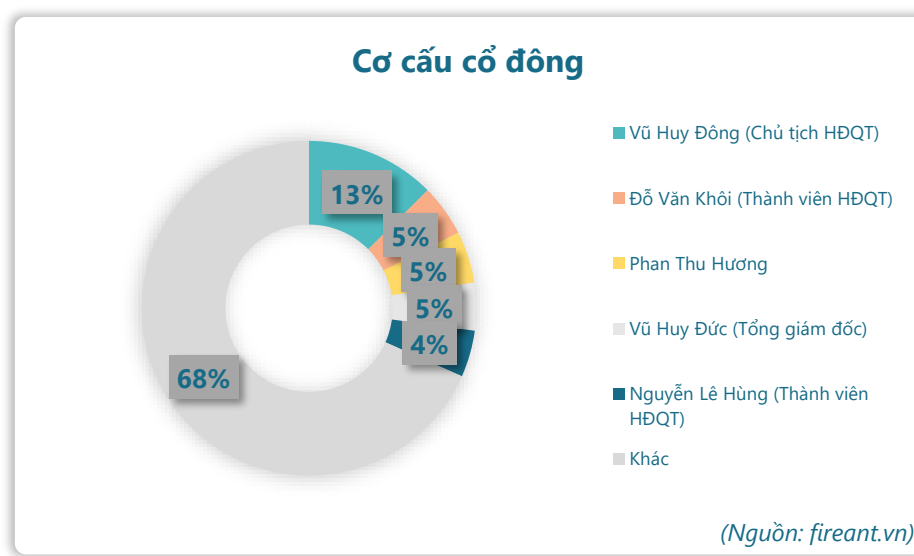
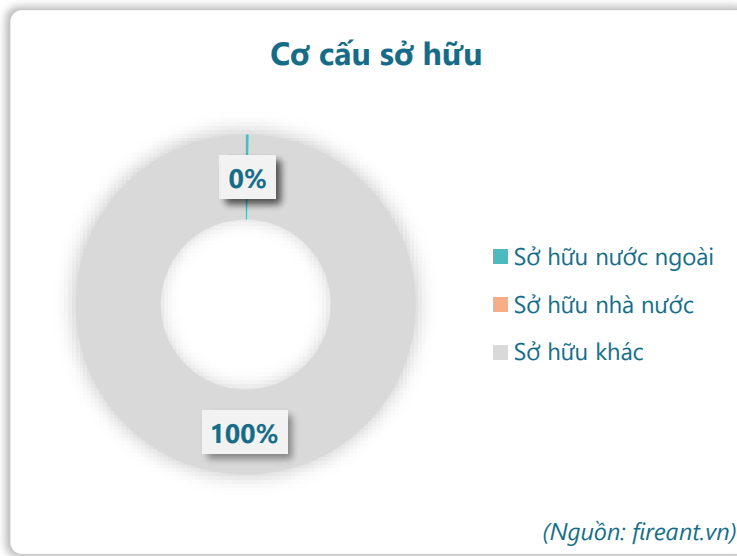
75.0
tỷ VNĐ

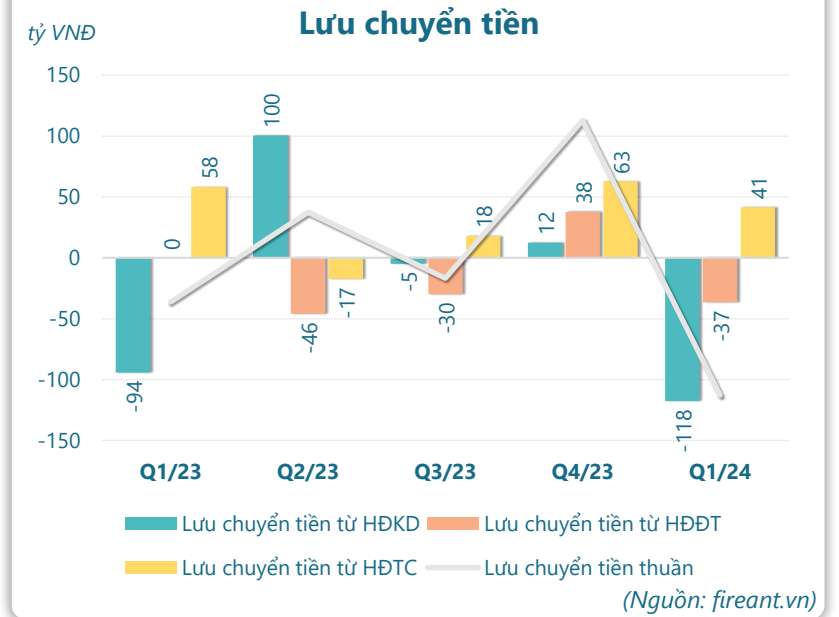
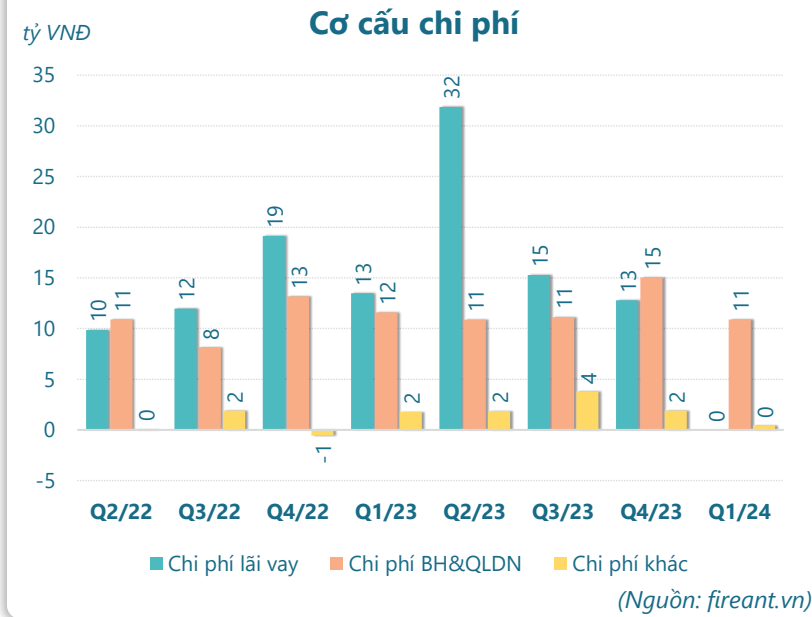
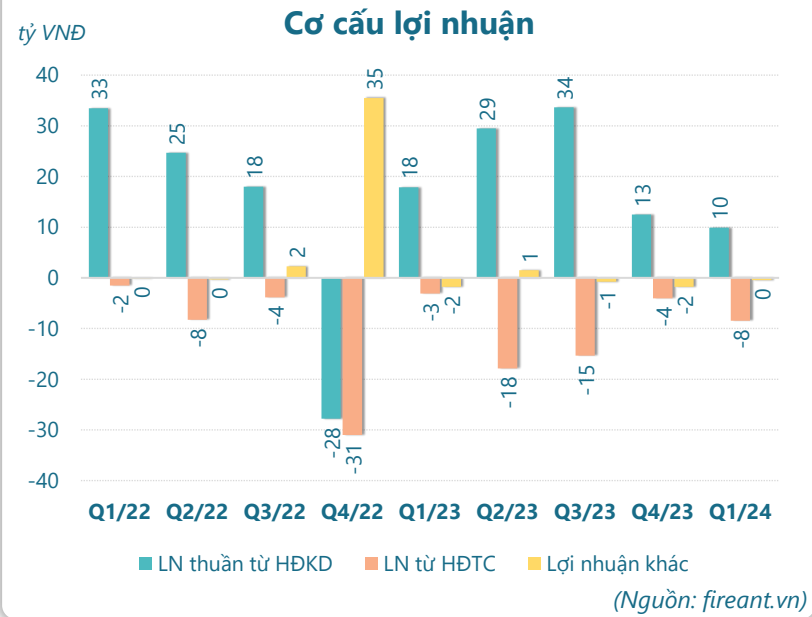
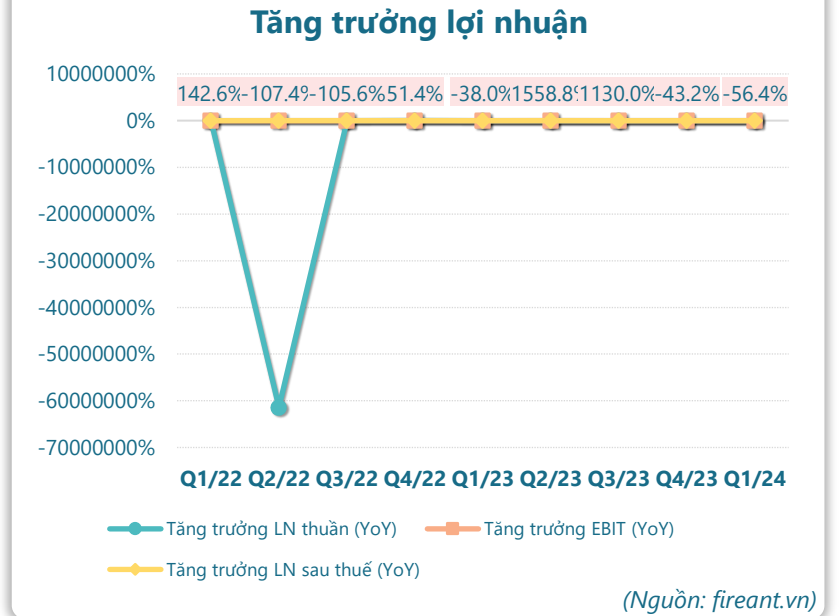
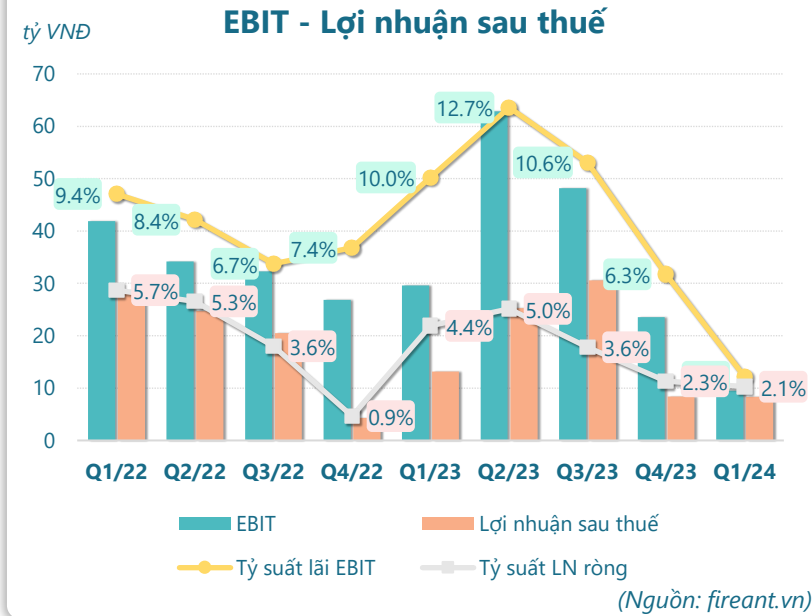
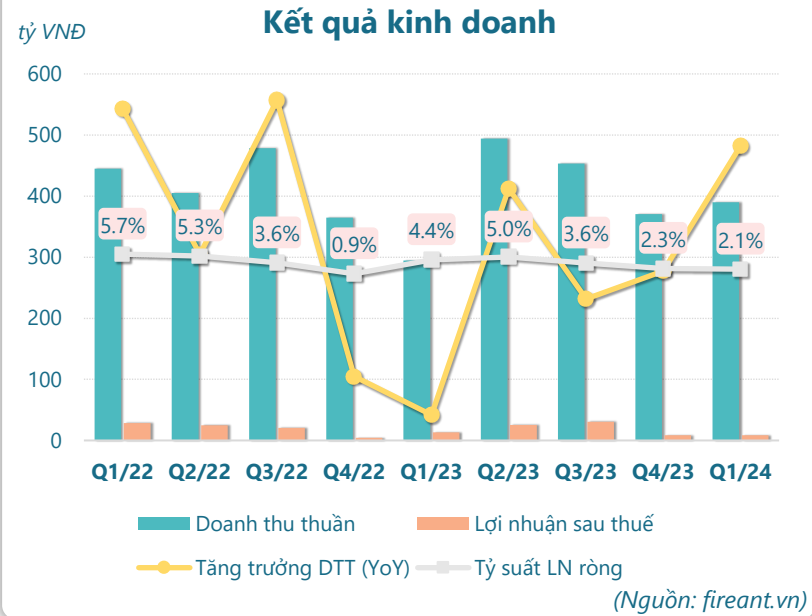
YoY: ▲ 0.10 | 0.1%

ROE
2023

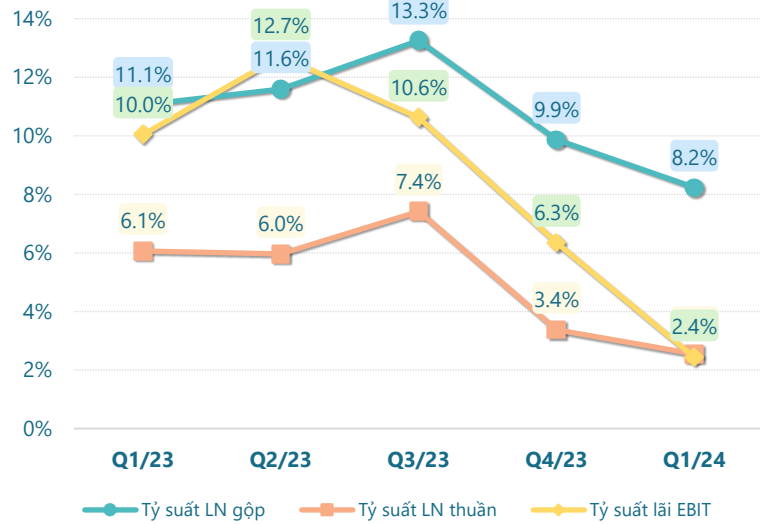
7.4%

+/- YoY: ▼ 3.4%



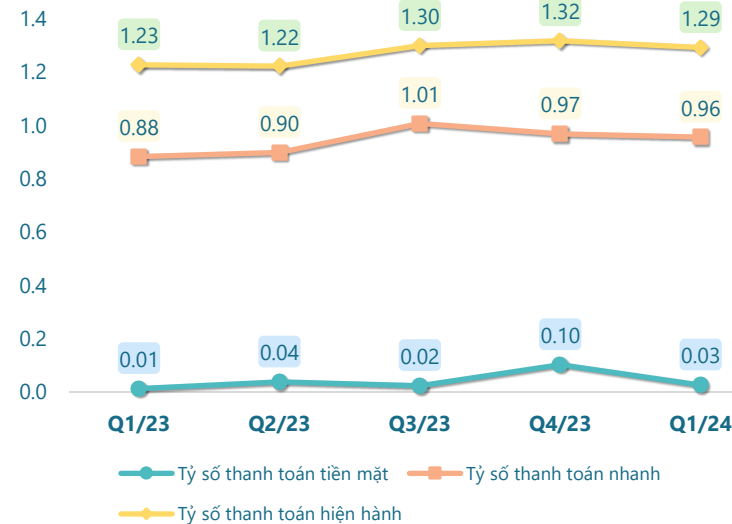


Tỷ suất lợi nhuận



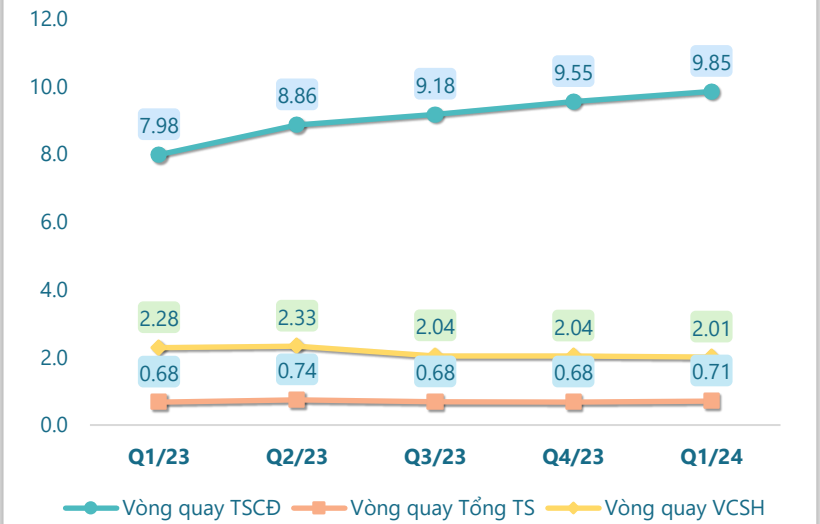
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



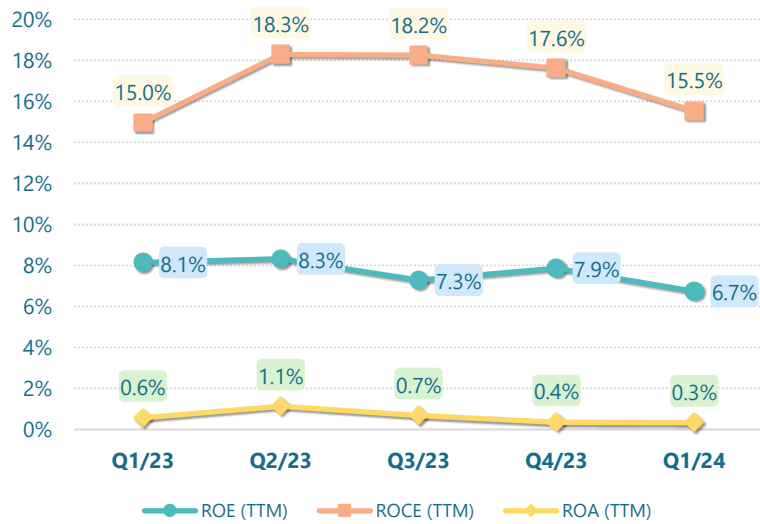
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



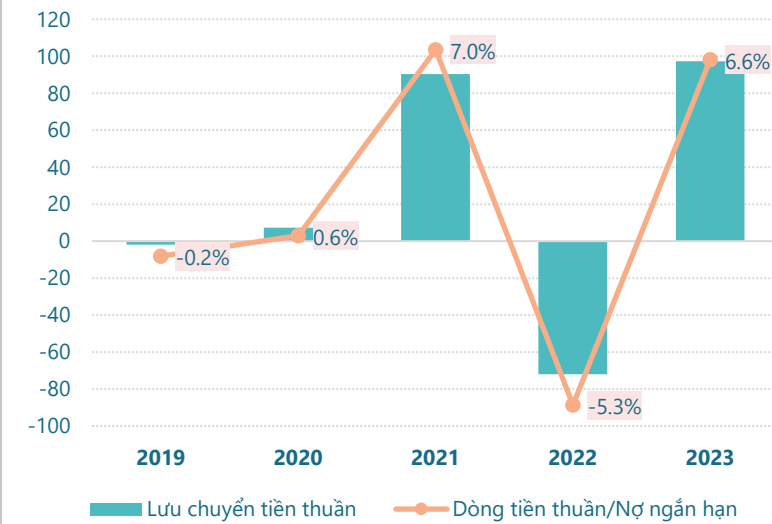
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



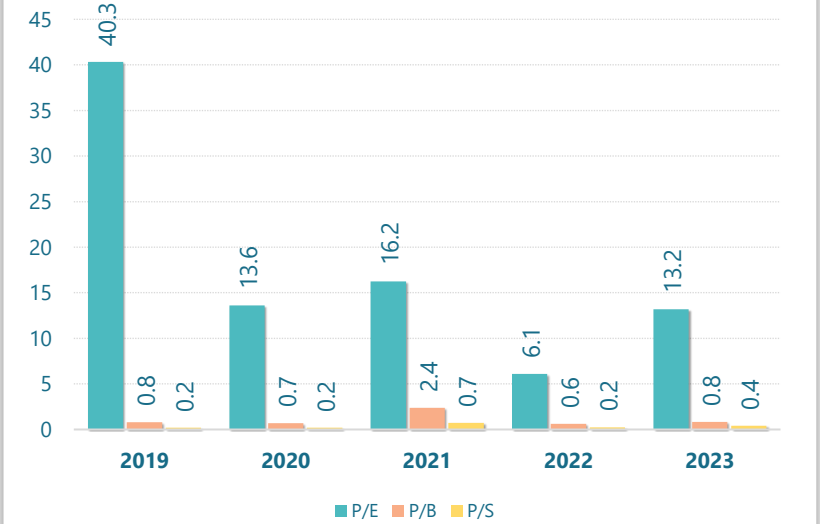
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)